

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày: 29-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Hải

Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Bích
Bà Nguyễn Thị Nhung
Ông Nguyễn Trần Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hường - Thư ký Tòa án tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa :
Ông Nguyễn Xuân Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình ,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/TLST-HS ngày 18
tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1981; tại xã Cổ Nghĩa,
huyện Lạc Thủy; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB; nghề
nghiệp: Nguyên là Cán bộ Bưu điện huyện Cao Phong; trình độ văn hóa: 12/12;
dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông
Nguyễn Bá Phong, sinh năm 1952 và con bà Vũ Thị Xuân, sinh năm 1958; có
chồng là Bùi Quang Điệp, sinh năm: 1981 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh
năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/8/2020, bị Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình xử phạt
15 năm tù về tội Tham ô tài sản và 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
(Bản án số 38/2020/HSST).

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình.
Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đan Tiếp Phúc - Văn phòng Luật sư
Đan Tiếp Phúc thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Số nhà 10, đường
Nguyễn Văn Trỗi, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

Bị hại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh
Hòa Bình. Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố
Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân L – Giám đốc,
người đại diện theo ủy quyền ông Mai Khắc H - Phó Giám đốc (văn bản ủy
quyền ngày 05/10/2020), có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bưu điện huyện Cao Phong; địa chỉ: thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB.
Ông Nguyễn Bạch V – Giám đốc làm đại diện, có mặt.

** Cán bộ Bưu điện huyện Cao Phong:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng G; địa chỉ: Số nhà 86, tổ 6, phường HN, TP HB, tỉnh HB, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T; địa chỉ: Khu 3, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB, có mặt.

** Cán bộ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thẩm định hồ sơ vay:*

1. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Tổ 12, phường HN, TP HB, tỉnh HB, vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị Mai L; địa chỉ: Tổ 5, phường TN, TP HB, tỉnh HB, có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: tổ 15, phường HN, TP HB, tỉnh HB, vắng mặt.

4. Bà Trịnh Ánh T; địa chỉ: Tổ 12, phường HN, TP HB, tỉnh HB, vắng mặt.

** Khách hàng vay vốn:*

1. Bà Bùi Thị Thúy H, trú tại: xóm Tiểu Lâm, xã BP, huyện CP, tỉnh HB, vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, trú tại: xóm Khụ, xã BP, huyện CP, tỉnh HB, có mặt.

3. Bà Tạ Thị H, trú tại: xóm Khụ, xã BP, huyện CP, tỉnh HB, có mặt.

4. Ông Quách Đại Đ, trú tại: Khu 5, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB, có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T, trú tại: Khu 6, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB, ủy quyền cho con trai là anh Bùi Thế Anh, có mặt.

6. Ông Phạm Ngọc T, trú tại: Khu 7, Thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB, có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị H, trú tại: xóm Mỗ 1, xã BT, huyện CP, tỉnh HB, vắng mặt.

8. Ông Bùi Hồng B, trú tại: xóm Chằng Trong, xã HP, huyện CP, tỉnh HB, vắng mặt.

9. Ông Phạm Lương B, trú tại: xóm Cun, xã TP, huyện CP, tỉnh HB, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Xuân L, trú tại: Khu 1, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB, vắng mặt.

11. Bà Lý Thị O, trú tại: Khu 2, Thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB, vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị H, trú tại: Nam Sơn 2, xã TP, huyện CP, tỉnh HB, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/3/2013, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt ký kết hợp đồng số: 05-2013/HĐSPDVNH/VNPOST-LPB về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tại hệ thống các Phòng giao dịch bưu điện.

Ngày 25/11/2013 Ngân hàng Bưu điện Liên Việt ban hành quyết định số: 611/2013/QĐ-HĐQT, thành lập Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh tỉnh Hòa Bình (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Hòa Bình).

Ngày 11/4/2015 Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt ban hành quyết định số: 2221/QĐ-LienVietPostBank, Quyết định về việc triển khai sản phẩm tín dụng “Sản phẩm cho vay tiêu dùng - Tín dụng hưu trí Phòng giao dịch Bưu điện” tại 47 Tỉnh/Thành Phố. Tỉnh Hòa Bình được thành lập 16 điểm giao dịch tại 16 Bưu cục trong đó có Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong số thứ tự 675; Mã Bưu cục 353700.

Nguyễn Thị Thu T nguyên là Giao dịch viên - Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong, do T có vay một số tiền của các đối tượng ngoài xã hội nhưng không có khả năng trả nợ và cần tiền để sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân nên T đã lợi dụng nhiệm vụ được giao là giao dịch viên phụ trách mảng tín dụng cho vay của Ngân hàng đối với các đối tượng hưu trí lĩnh lương tại bưu điện huyện Cao Phong để thực hiện hành vi gian dối ký giả mạo chữ ký, nâng khống số tiền vay và nâng khống số tiền lương của khách hàng để lập hồ sơ vay tiền nhằm chiếm đoạt tiền của ngân hàng.

Từ năm 2016 đến tháng 10/2018, Thảo đã giả mạo chữ ký thực hiện lập 12 hồ sơ của các khách hàng vay tiền (trong đó có 04 hồ sơ nâng khống số tiền lương thực tế) để chiếm đoạt tổng số tiền 1.080.000.000 đồng. Để che dấu hành vi chiếm đoạt tiền của mình, tránh bị phát hiện, khi đến kỳ trả nợ hàng tháng, Nguyễn Thị Thu T đã nộp tiền trả gốc và lãi cho ngân hàng. Tính đến ngày 31/8/2020 tổng số tiền Thảo đã nộp vào ngân hàng là 466.873.252 đồng trong đó tiền gốc là 292.578.278 đồng, tiền lãi là 174.594.674 đồng. Cụ thể số tiền chiếm đoạt của 12 hồ sơ như sau:

1. Hồ sơ vay tiền của bà Bùi Thị Thúy H, trú tại: xóm Tiểu Lâm, xã BP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số 06/110416/02/200) Số tiền bà Hạnh vay thực tế là: 40.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay vốn là: 100.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 60.000.000 đồng.

2. Hồ sơ vay tiền của bà Trần Thị H, trú tại: xóm Khụ, xã BP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số 01/090916/02/200). Số tiền bà H vay thực tế là: 20.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay vốn là: 155.000.000 đồng. Số tiền

chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 135.000.000 đồng.

3. Hồ sơ vay tiền của bà Tạ Thị H, trú tại: xóm Khu, xã BP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD0507021802200). Số tiền bà Hiền vay thực tế là: 70.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay vốn là: 220.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 150.000.000 đồng.

4. Hồ sơ vay tiền của ông Quách Đại Đ, trú tại: Khu 5, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD1210111702200). Số tiền ông Đồng vay thực tế là: 110.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay vốn là: 210.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch Thảo đã chiếm đoạt là: 100.000.000 đồng.

5. Hồ sơ vay tiền của bà Nguyễn Thị T, trú tại: Khu 6, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD 1113041802200). Số tiền bà Ty vay thực tế là: 50.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay là: 100.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 50.000,000 đồng.

6. Hồ sơ vay tiền của ông Phạm Ngọc T, trú tại: Khu 7, Thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD0621031802200). Số tiền ông Tú vay thực tế là: 50.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay là: 80.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 30.000.000 đồng.

7. Hồ sơ vay tiền của bà Nguyễn Thị H, trú tại: *xóm Mỗ 1*, xã BT, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số 03/170117/02/200). Số tiền bà Hiền vay thực tế là: 70.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay là: 100.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 30.000.000 đồng.

8. Hồ sơ vay tiền của ông Bùi Hồng B, trú tại: xóm Chằng Trong, xã HP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD0424111702200). Số tiền ông Bình vay thực tế là: 20.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay là: 150.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 130.000.000 đồng.

9. Hồ sơ vay tiền của ông Phạm Lương B, trú tại: xóm Cun, xã TP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD0607021802200). Số tiền ông Bằng vay thực tế là: 60.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay vốn là: 235.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T chiếm đoạt: 175.000.000 đồng.

10. Hồ sơ vay tiền của ông Nguyễn Xuân L, trú tại: Khu 1, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD0618071702200). Số tiền ông Lợi vay thực tế là: 30.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay vốn là: 100.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch Thảo đã chiếm đoạt là: 70.000.000 đồng.

11. Hồ sơ vay tiền của bà Lý Thị O, trú tại: Khu 2, Thị trấn CP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số 02/010916. Số tiền bà Oanh vay thực tế là: 40.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay là: 110.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 70.000.000 đồng.

12. Hồ sơ vay tiền của bà Nguyễn Thị H, trú tại: Nam Sơn 2, xã TP, huyện CP, tỉnh HB (Hợp đồng tín dụng số HD1013041802200). Số tiền bà Hiền vay thực tế là: 100.000.000 đồng, số tiền trong hồ sơ vay là: 180.000,000 đồng. Số tiền chênh lệch T đã chiếm đoạt là: 80.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền của 12 hồ sơ vay là 1.740.000.000 đồng, trong đó số tiền vay thực tế của các khách hàng là 660.000.000 đồng. Số còn lại là 1.080.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu T đã chiếm đoạt, sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Tại 12 bản Kết luận giám định từ số 271 đến 279 ngày 08/9/2020 và các số 304, 305 ngày 05/10/2020 và số 56 ngày 17/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình kết luận đối với 12 hồ sơ do Nguyễn Thị Thu T giả mạo đã xác định tên khách hàng vay vốn, các chữ ký, chữ viết tên khách hàng đều do T ký và viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hòa Bình đã thu thập được.

Cáo trạng số 62A/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố Nguyễn Thị Thu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình** giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T. Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 28 năm tù tại bản án số 38 ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình. Bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là 30 năm. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền 787.721.422 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hòa Bình.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

- **Người bào chữa cho bị cáo trình bày:** Đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo về hành vi, tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, Ngân hàng cũng có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- **Bị cáo Nguyễn Thị Thu T:** Đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không bổ sung nội dung gì.

- Bị hại - đại diện Ngân hàng trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo đã bị điều tra, truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện khắc phục hậu quả. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Xét thấy họ có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, trước khi mở phiên tòa không có đề nghị thay đổi gì khác nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về việc áp dụng pháp luật: Tại thời điểm bị cáo bắt đầu phạm tội BLHS năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật nhưng tại thời điểm xét xử BLHS năm 2015 đã có hiệu lực thi hành, xem xét tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 353 BLHS năm 2015 có khung về hình phạt bằng và thấp hơn so với Điều luật tương ứng của BLHS năm 1999. Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự, áp dụng Điều luật của BLHS năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, kết luận điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Thu T lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao là Giao dịch viên đã thực hiện hành vi gian dối nâng khống hồ sơ vay vốn bằng thủ đoạn ký giả mạo chữ ký khách hàng, chữ ký kiểm soát viên, chữ ký giám đốc Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao phong để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 10 năm 2018, T đã nâng khống cộng 12 hồ sơ vay vốn mang tên 12 cá nhân có danh sách lĩnh lương hưu tại Bưu điện huyện Cao phong để chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền là 1.080.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo theo tội danh và điều

khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Ngân hàng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm thiệt hại đến kinh tế của bị hại, xâm phạm đến những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức. Cần có mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng đề trừng trị, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (*phạm tội từ 02 lần trở lên*) tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại là Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đang chấp hành án, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Tính đến thời điểm bị phát hiện, bị cáo còn chiếm đoạt của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hòa Bình số tiền 787.721.422 đồng, do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hòa Bình.

[7]. Các nội dung liên quan khác:

- Đối với những cán bộ thuộc Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Hòa Bình gồm Nguyễn Thị D; Hồ Thị Mai L; Nguyễn Văn V và Trịnh Ánh T là người thẩm định hồ sơ vay vốn do bị cáo T lập. Căn cứ kết luận giám định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hòa Bình và kết quả điều tra đã xác định những cán bộ thẩm định có liên quan đã thực hiện đúng trách nhiệm và không có dấu hiệu đồng phạm cũng như được hưởng lợi ích gì từ Nguyễn Thị Thu T. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

- Đối với bà Nguyễn Thị Hồng G- Giám đốc Bưu điện huyện Cao Phong từ 01/6/2015 đến 31/01/2017 và ông Nguyễn Bạch V - Giám đốc Bưu điện huyện Cao phong từ tháng 02/2017 đến nay. Trên cơ sở kết quả điều tra, xác minh đến nay không thu thập được tài liệu chứng cứ chứng minh bà G và ông V có liên quan, đồng phạm với bị cáo T. Bà G, ông V không được nhận tiền hay

lợi ích vật chất nào khác từ T, đồng thời việc ký xác nhận vào hồ sơ của bà G, ông V để hoàn tất thủ tục khi đã có đủ các điều kiện, nội dung theo quy định, không có tính quyết định việc cho vay và giải ngân. Cơ quan điều tra đã có văn bản Kiến nghị Bưu điện tỉnh Hòa Bình xem xét xử lý trách nhiệm với vai trò là người đứng đầu đối với bà G và ông V.

- Đối với Nguyễn Thị Kim T- Kiểm soát viên Bưu điện huyện Cao Phong. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị Kim T không có dấu hiệu đồng phạm với T, không được nhận tiền hoặc lợi ích vật chất nào khác từ T. Những sơ hở, thiếu sót trong việc quản lý con dấu, mật khẩu của Nguyễn Thị Kim T có nguyên nhân chủ yếu do yêu cầu phục vụ công việc chung của đơn vị và có nguyên nhân khách quan trong đó, có nguyên nhân từ việc chưa quy định chặt chẽ, chưa phù hợp với công việc thực tế phát sinh trong các quy định, quy trình về quản lý con dấu, mật khẩu của Bưu điện tỉnh Hòa Bình, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Hòa Bình. Nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với bà Nguyễn Thị Kim T là có căn cứ.

- Đối với 12 khách hàng gồm các ông, bà: Bùi Thị Thúy H, Trần Thị H, Tạ Thị H, Quách Đại Đ, Nguyễn Thị T, Phạm Ngọc T, Nguyễn Thị H, Bùi Hồng B, Phạm Lương B, Nguyễn Xuân L, Lý Thị O, Nguyễn Thị H có hồ sơ vay tiền tại Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong, tuy nhiên thực tế các khách hàng trên đã trả nợ hoặc làm thủ tục tắt toán khoản vay trước thời hạn theo hợp đồng vay vốn đã ký kết, do vậy trách nhiệm trả nợ của họ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hòa Bình đã thực hiện xong, không còn phát sinh quyền và nghĩa vụ nào khác với Ngân hàng.

[8] . Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Kiến nghị Bưu điện tỉnh Hòa Bình trong phạm vi nhiệm vụ, chức năng được giao cần kiểm tra, chỉ đạo trong công tác quản lý, thực hiện các dịch vụ Ngân hàng tại các Bưu cục trong tỉnh, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp khắc phục vi phạm.

Kiến nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Hòa Bình trong công tác quản lý, kiểm tra thẩm định đối với các loại hình tín dụng nói chung và gói sản phẩm cho vay tiêu dùng -tín dụng lưu trú tại phòng giao dịch Bưu điện nói riêng tránh không để sai phạm tương tự xảy ra.

[9]. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T: **12** (*mười hai*) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt **28** (*hai mươi tám*) năm tù tại Bản án số 38/2020/HS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Buộc Nguyễn Thị Thu T phải chấp hành hình phạt chung cả hai bản án là **30** (*ba mươi*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hòa Bình số tiền **787.721.422** (*bảy trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi một ngàn bốn trăm hai mươi hai*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 35.508.000 (*ba mươi năm triệu, năm trăm linh tám ngàn*) đồng tiền án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Trai tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình;
- Cục Thi hành án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp; Bưu điện tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; tổ Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hải